

Các bài học từ Chương trình ACCRN tại Việt Nam

PHỤC HỒI RỪNG NGẬP MẶN BỊ SUY THOÁI Ở VÙNG VEN ĐÔ MIỀN TRUNG VIỆT NAM: So sánh kết quả giữa các thôn

Tháng 7, 2017



PHỤC HỒI RỪNG NGẬP MẶN BỊ SUY THOÁI Ở VÙNG VEN ĐÔ MIỀN TRUNG VIỆT NAM: So sánh kết quả giữa các thôn

TÁC GIẢ

ISET-VIỆT NAM

Nghiêm Phương Tuyến

Stephen Tyler

TRÍCH YẾU

Thành phố Quy Nhơn ở miền Trung Việt Nam đang phát triển mở rộng về phía Đầm Thị Nại. Quỹ Rockefeller đã hỗ trợ việc phục hồi các diện tích rừng ngập mặn ven đầm để ngăn hiện tượng xói lở và góp phần hạn chế phát triển đô thị ở các khu vực này. Rừng ngập mặn được trồng tại năm thôn. Tỷ lệ cây sống đạt khoảng 80% tại thôn Vinh Quang 2 và 50% tại thôn Diêm Vân, trong khi đó, ở thôn Nhân Ân không có cây giống nào sống sót sau hai năm triển khai. Báo cáo này mô tả các hoạt động trồng và bảo vệ rừng ngập mặn do ba cộng đồng nói trên thực hiện, qua đó so sánh kinh nghiệm để lý giải cho sự khác biệt lớn về kết quả đạt được. Cả ba địa phương này đều áp dụng cách tiếp cận đồng quản lý tương tự như nhau, nhưng lại có sự khác biệt đáng kể ở mức độ quen thuộc từ trước đó của người dân đối với rừng ngập mặn, mức độ phụ thuộc của họ vào việc khai thác thủy sản, và mức độ nhất quán trong việc tôn trọng và thực hiện các quyền sử dụng không chính thức của các nhóm dân cư khác nhau, cũng như chất lượng lãnh đạo địa phương đối với việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, và chất lượng môi trường sống của cây giống. Kết quả thu được cho thấy việc áp dụng thuần túy các quy trình nhất quán về đồng quản lý không thể cho ra các kết quả đồng nhất, và rằng các cơ quan chức năng quản lý rừng tại địa phương đã không thể áp dụng được một cơ chế chia sẻ lợi ích trong dài hạn.

Từ khoá

Rừng ngập mặn
Giảm thiểu Rủi ro thiên tai
Biến đổi khí hậu
CCCO Bình Định
Ven đô

GIỚI THIỆU

Rừng ngập mặn có chức năng quan trọng trong việc bảo vệ vùng ven biển và đồng bằng vốn dễ bị tổn thương do có cấu trúc trầm tích bờ rời, dễ bị xói mòn (Adame et al., 2009). Rừng ngập mặn còn là bể carbon có giá trị, không chỉ bảo vệ carbon trong sinh khối sống và còn bảo vệ một số lượng lớn carbon được hấp thụ trong các lớp trầm tích hữu cơ có thể bị oxy hóa nếu tác động (S. Bouillon et al., 2003; Alongi, 2014). Việc mở rộng nhanh chóng các thành phố ven biển tại các vùng đồng bằng lớn càng gây đe dọa cho môi trường sống của rừng ngập mặn vốn đã bị suy thoái nghiêm trọng tại Đông Nam Á do quá trình phát quang nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Áp lực san lấp các diện tích ven biển thấp trũng để phục vụ mục đích xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị có giá trị cao càng khiến cho các hệ sinh thái rừng ngập mặn không thể đảm đương được vai trò của những vùng đệm trong trường hợp xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan (như bão, nước dâng và ngập lụt), và có thể khiến tình trạng dễ bị tổn thương của các khu vực đô thị liền kề trở nên trầm trọng hơn (McLeod & Salm, 2006).

Thành phố Quy Nhơn tại miền Trung Việt Nam đang phát triển mở rộng ra khu vực đồng bằng ngập nước của hệ thống sông Hà Thanh/ sông Kôn nằm ở phía bắc so với vị trí hiện tại của trung tâm thành phố. Điều này dẫn đến những áp lực san lấp các diện tích nước nông của Đầm Thị Nại nằm ở khu vực này, và phá hủy các khu vực khác của rừng ngập mặn. Mặc dù chính quyền tỉnh Bình Định đã dành riêng một khu vực rộng dọc theo hai bên bờ Đầm Thị Nại để bảo vệ và bảo tồn rừng ngập mặn, song cho đến nay đầu tư phục hồi rừng ngập mặn vẫn còn rất hạn chế. Báo cáo này mô tả một dự án tham vọng với mục tiêu tái trồng rừng ngập mặn tại một số điểm ven Đầm Thị Nại và áp dụng các cơ chế

đồng quản lý mới để tạo sự ủng hộ của cộng đồng đối với công tác bảo vệ và bảo tồn rừng ngập mặn.

SỰ SUY GIẢM RỪNG NGẬP MẶN TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Thành phố Quy Nhơn của miền trung Việt Nam nằm giữa biển và Đầm Thị Nại. Đầm Thị Nại có tổng diện tích bề mặt hơn 5.000 ha. Các hệ sinh thái rừng ngập mặn ở đây từng rất phong phú, với khoảng 1.000 ha rừng ngập mặn và 200 ha cỏ biển dọc theo các khu vực nước nông ven bờ. Thông tin lưu trữ cho thấy tại đây có 561 ha rừng ngập mặn vào năm 1973 và 137 ha vào năm 1988, tuy nhiên cho đến năm 2003, con số này chỉ còn là 50 ha (Tuấn, 2015).

Trong giai đoạn 1980–2000, Đầm Thị Nại bị khai thác nặng nề để nuôi tôm nhằm cải thiện thu nhập hộ gia đình. Trong thập niên 1980, các hợp tác xã thủy sản được thành lập tại khu vực đầm. Các hợp tác xã này quản lý toàn bộ diện tích mặt nước. Các hộ gia đình trở thành thành viên của các hợp tác xã này và tham gia đào ao nuôi tôm. Sau đó, hợp tác xã giao ao cho các nhóm hộ gia đình quản lý. Trong thập niên 1990, với quá trình cải cách kinh tế, các hộ cá thể được giao quyền sử dụng diện tích mặt nước trong 20 năm. Chính quyền có chính sách miễn thuế và nhiều cơ chế khuyến khích khác cho các hộ nuôi tôm trong năm đầu tiên. Cũng trong giai đoạn này, các doanh nghiệp nuôi tuôi được quyền chuyển nhượng việc thuê mặt nước cho người không thuộc xã. Năm 2000–2001, nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh bùng nổ suốt dọc vùng duyên hải Việt Nam và Đầm Thị Nại. Nhưng năm tiếp theo, số lượng đầm tôm thâm canh ở Thị Nại đã giảm mạnh do dịch bệnh, và nhiều cơ sở người nông dân bị phá sản và bỏ hoang. Nhưng thời điểm đó đã quá muộn đối với

rừng ngập mặn. Hệ sinh thái rừng ngập mặn về cơ bản đã biến mất. Chỉ còn lại những dải rừng hẹp, nằm rải rác ở gần bờ biển.

Kể từ năm 2011, đã có nhiều nỗ lực để tái tạo và phục hồi các hệ sinh thái rừng ngập mặn tại Đầm Thị Nại thông qua việc trồng và bảo vệ cây giống của rừng ngập mặn, những cây giống này cần tối thiểu 3 năm để sinh trưởng và đạt kích thước vững chắc. Một trong những dự án lớn nhất tính đến thời điểm hiện tại là dự án do Quỹ Rockefeller tài trợ trong khuôn khổ Mạng lưới các Thành phố Châu Á có khả năng Chống chịu với Biến đổi Khí hậu (ACCCRN). Tuy nhiên, hiệu quả của các hoạt động trồng và bảo vệ có sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương. Báo cáo này mô tả quá trình tái trồng rừng của dự án và nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc phục hồi rừng ngập mặn ở Đầm Thị Nại. Báo cáo sẽ tập trung vào ba thôn cùng tham gia một dự án đồng quản lý song lại đạt được những kết quả đầu ra khác nhau.

ĐỒNG QUẢN LÝ RỪNG NGẬP MẶN TẠI VIỆT NAM

Việc tích hợp cơ chế đồng quản lý trong bảo vệ rừng ngập mặn là một việc rất khó tại Việt Nam. Đồng quản lý có nghĩa là các cộng đồng bản địa phải được tham gia và hưởng lợi từ các quyết định về quản lý rừng nhằm sử dụng tài nguyên một cách bền vững, song các quy định của pháp luật về quyền sử dụng liên quan đến rừng lại xác định toàn bộ rừng ngập mặn là rừng “được bảo vệ, có nghĩa là không được tiếp cận hoặc sử dụng. Trên thực tế, có rất ít trường hợp phục hồi rừng ngập mặn dựa trên phương pháp đồng quản lý tại Việt Nam. Kết quả rà soát đánh giá một số nhỏ các trường hợp đã có này cho thấy việc phục hồi rừng

ngập mặn có thể được thực hiện thành công nếu rừng được trồng ở các khu vực được bảo vệ tốt, khi các xung đột tiềm tàng về quyền sử dụng giữa người bảo vệ rừng với các ngư dân và người khai thác thủy sản tự nhiên quy mô nhỏ có thể được kiểm soát.

KINH NGHIỆM CỦA SÓC TRĂNG

Tại Sóc Trăng, rừng được chia thành bốn khu với các điều kiện quản lý khác nhau: một khu bảo vệ, hai khu phục hồi (trong và ngoài), và một khu sử dụng bền vững. Tại khu vực này, hơn 300 hộ gia đình, chủ yếu là người dân tộc Khmer, được phép sử dụng rừng phòng hộ ven biển để thu gom củi và các tài nguyên rừng nhằm phục vụ sinh kế của họ, nhưng chỉ được làm như vậy trong vùng sử dụng bền vững. Các hộ tham gia được cấp thẻ ra vào rừng để xác định họ có phải là đối tượng được phép khai thác lâm sản và thủy sản không. Các quy định về đồng quản lý cho phép các hộ dân được khai thác xìa, don, bắt cua nhỏ, cá bống, và các loại thủy sản khác. Các tài nguyên này giúp họ cải thiện thu nhập, nhưng phải đảm bảo rừng luôn ở trong trạng thái tốt. Các đối tác đồng quản lý tại cộng đồng có thể yêu cầu cơ quan chức năng chú ý nhiều hơn để hỗ trợ các nỗ lực quản lý của họ. Nhưng, theo lãnh đạo địa phương cho biết, khi chất lượng môi trường sống dưới nước được cải thiện cùng với việc bảo vệ rừng ngập mặn, thì hiện tượng khai thác trái phép từ những đối tượng bên ngoài lại có xu hướng gia tăng.

VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY

Vườn Quốc gia Xuân Thủy nhận tài trợ của Liên minh Quốc tế các vùng Đất ngập nước (Wetland International Alliance) để thực hiện một dự án thí điểm khai thác, quản lý và sử dụng rừng theo hợp đồng giao khoán dành cho cộng đồng xã Giao An. Những người làm công tác quản lý rừng cùng phối hợp với cộng đồng để xây dựng các quy định về sử dụng và khai thác rừng ngập mặn, thiết lập các Ban Quản lý (BQL), các nhóm

nòng cốt, các đội triển khai, đội khai thác, cũng như quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong khai thác và bảo vệ rừng ngập mặn. BQL Bảo tồn Thiên nhiên cùng với cộng đồng quyết định phương thức chia sẻ và kiểm soát việc khai thác các nguồn tài nguyên.

Với mô hình này, 21 hộ gia đình đã được nhận khoán trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Họ đã dựng lều để hàng ngày chăm sóc và khai thác thủ công các tài nguyên thủy sản nằm dưới tán rừng ngập mặn. Nếu phát hiện kẻ xâm nhập lạ mặt hoặc hành vi khai thác mang tính phá hủy, họ thông báo cho cơ quan chức năng địa phương và cán bộ quản lý rừng để kịp thời can thiệp. Cơ quan chức năng địa phương và các tổ chức cộng đồng tham gia các hoạt động tuần tra và giải quyết mâu thuẫn phát sinh. Việc bảo vệ rừng nhờ đó đã đạt hiệu quả cao hơn tại khu Bảo tồn.

Trong trường hợp của Sóc Trăng, cách tiếp cận đồng quản lý đã được áp dụng để bảo vệ rừng. Cán bộ quản lý rừng và người dân địa phương thống nhất các quy định cho phép người dân địa phương được đánh bắt cá tại các khu vực “sử dụng bền vững”, đồng thời bảo vệ các khu vực khác. Người dân địa phương được hưởng lợi bền vững và nhờ tuân thủ các quy định, họ cũng là người bảo vệ các cánh rừng ngập mặn. Trường hợp của Sóc Trăng rất khác với trường hợp của Đầm Thị Nại, vì ở Đầm Thị Nại diện tích rừng ngập mặn quá nhỏ nên không thể quy định khu vực dành riêng để sử dụng bền vững, và việc tái trồng rừng ở Đầm Thị Nại lại diễn ra tại một khu vực trước đây không phải là rừng ngập mặn. Nói cách khác, tại Đầm Thị Nại, việc tái trồng rừng ngập mặn đã động chạm đến các khu vực vốn đã được sử dụng để khai thác thủy sản.

Mô hình đồng quản lý tại khu Bảo tồn Thiên nhiên Xuân Thủy dựa trên cơ chế giao khoán cho các hộ gia đình. Từng hộ gia đình ký hợp đồng nhận khoán riêng với BQL Khu Bảo tồn Thiên nhiên để trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Do đây là Khu Bảo tồn Thiên nhiên, nên BQL Khu Bảo tồn Xuân Thủy có quyền quyết định

toàn bộ các điều khoản về tiếp cận và khai thác trong phạm vi Khu Bảo tồn theo quy định của pháp luật. Đây là một nét khác biệt lớn so với Đầm Thị Nại, nơi khu vực triển khai dự án không nằm trong một khu bảo tồn được bảo vệ.

ĐẦM THỊ NẠI VÀ CÁC THỎA THUẬN ĐỒNG QUẢN LÝ

Kể từ năm 2000, các kế hoạch, quy hoạch phát triển chính thức của tỉnh Bình Định đã khuyến khích việc xây dựng và phát triển hạ tầng dọc theo bờ đầm. Điều này xuất phát từ năm 2006 khi xây dựng xong cầu Thị Nại bắc qua đầm nối thành phố Quy Nhơn với khu công nghiệp Nhơn Hội mới xây dựng. Ở cả hai phía của đầm, nhiều dự án phát triển đô thị và công nghiệp được quy hoạch tại các địa điểm được tạo nên từ việc san lấp các bãi bùn nông. Dọc theo tuyến đường nối thành phố với cây cầu mới, về phía bờ tây của đầm Thị Nại, hoạt động phát triển đã gia tăng với cường độ lớn, với kỳ vọng khu vực này sẽ dần mở rộng hơn về phía bắc dọc theo bờ đầm. Trong bối cảnh này, dự án ACCCRN (do Quỹ Rockefeller tài trợ) được khởi động như một nỗ lực để bắt đầu phục hồi một số diện tích rừng ngập mặn đã mất và đẩy lùi xu thế tiếp tục phát triển tại khu vực bờ phía tây để bị tổn thương, nơi có một dải đồng bằng thấp lũ nằm ở cửa một số nhánh sông thuộc hệ thống sông Hà Thanh/ sông Côn.

Dự án do Quỹ Rockefeller tài trợ là cam kết lớn đầu tiên dành cho việc tái trồng rừng ngập mặn tại Đầm Thị Nại sau nhiều chục năm bị tàn phá. Từ năm 2012 đến 2015, dự án đã trồng tổng cộng 33 ha cây giống rừng ngập mặn tại 5 thôn khác nhau thuộc xã Phước Thuận và Phước Sơn của huyện Tuy Phước, nằm ngay phía bắc so với ranh giới hiện tại của thành phố Quy Nhơn thuộc bờ phía tây của đầm. Ngoài ra, dự án cũng tạo nhận thức mạnh mẽ hơn về các lợi ích của hệ sinh thái rừng ngập mặn, và tổ chức đào tạo Quản lý Rủi ro Thiên tai

dựa vào Cộng đồng (CBDRM) cho các thôn tham gia dự án. Một phần trọng tâm của dự án là cùng hợp tác phát triển các thỏa thuận mới về quyền khai thác các loài thủy sản tại các khu vực được tái trồng rừng thông qua các thỏa thuận đồng quản lý cùng cộng đồng và hợp đồng khoán với các hộ gia đình, nhằm đảm bảo rằng các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương có thể được hưởng lợi từ việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn.

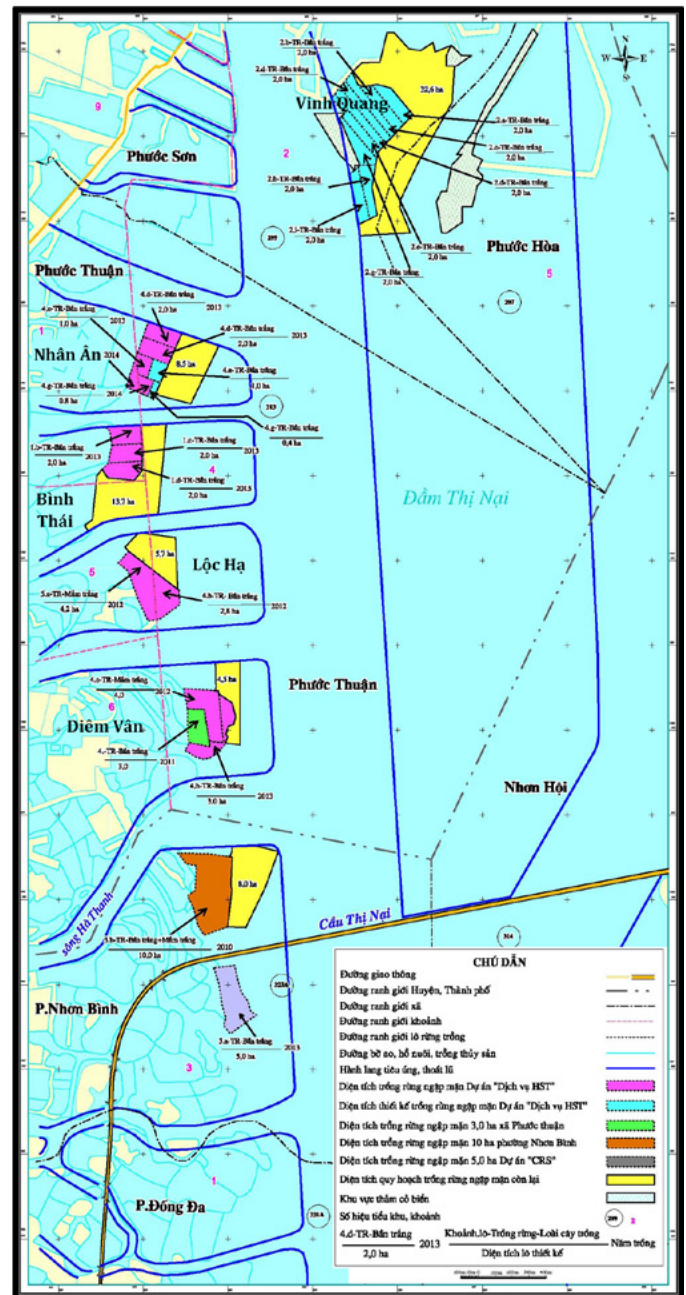
Kết quả về tỷ lệ cây giống sống sót cho đến khi kết thúc vòng đời dự án có sự khác biệt giữa các điểm triển khai dự án, đặc biệt giữa ba thôn Diêm Vân, Nhân Ân và Vinh Quang 2. Thôn Diêm Vân đạt tỷ lệ cây sống là 50%, Nhân Ân: 0% và Vinh Quang 2: 70-80%. Báo cáo này cũng đi tìm nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt lớn như vậy trong kết quả đạt được.

Cơ quan điều phối dự án này là CCCO Bình Định (CCCO). Các đối tác hỗ trợ triển khai các hợp phần của dự án bao gồm: BQL Khu sinh thái Côn Chim, Viện Hải dương học Nha Trang, và một tổ chức phi chính phủ là Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Phát triển Nông thôn (RECERD).

Viện Hải dương học Nha Trang chịu trách nhiệm đánh giá hệ sinh thái và lựa chọn địa điểm để trồng rừng. RECERD chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các mô hình đồng quản lý tại các thôn tham gia tái trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, đồng thời chịu trách nhiệm về các hoạt động sinh kế thay thế. BQL Khu sinh thái Côn Chim cung cấp tư vấn kỹ thuật về sinh thái học rừng ngập mặn, cung cấp cây giống và hỗ trợ CCCO Bình Định trong quản lý dự án và hợp tác với chính quyền, các cơ quan ban ngành, hiệp hội và nghiệp đoàn tại địa phương để trồng rừng, đồng thời hỗ trợ thành lập các nhóm bảo vệ rừng ngập mặn. Có 5 thôn tham gia dự án (xem Hình 1 về vị trí các thôn).

Các điểm dự án chưa từng có kinh nghiệm về đồng quản lý, và trong những thập niên trước đó, đã đôi lần

HÌNH 1. CÁC VỊ TRÍ TRỒNG RỪNG NGẬP MẶN CỦA DỰ ÁN



xảy ra xung đột giữa một số cộng đồng bản địa và cơ quan quản lý rừng liên quan đến việc phát quang rừng phục vụ mục đích nuôi tôm.

Có ba yếu tố chính của quy trình đồng quản lý được đưa vào áp dụng tại khu vực đầm Thị Nại:

1. Các thỏa thuận và quy định ở cấp thôn được cả thôn và BQL Khu sinh thái Cồn Chim phê duyệt;
2. Hợp đồng khoán giữa các hộ dân được chọn và BQL Khu sinh thái Cồn Chim để trồng và bảo vệ cây giống rừng ngập mặn và nhận thanh toán theo tỷ lệ dựa vào tỷ lệ sống của cây giống (để tạo động lực cho hộ bảo vệ cây giống);
3. Các tổ nhận khoán gồm các hộ nhận khoán được thành lập ở từng thôn để chia sẻ và phân công trách nhiệm bảo vệ cây giống rừng ngập mặn, phát quang, giám sát, v.v. Đôi khi các tổ này sẽ phân công hầu hết trách nhiệm cho một nhóm nhỏ các hộ gia đình có khả năng dành nhiều thời gian hơn cho các nhiệm vụ này.

Việc ký khoán hợp đồng với các hộ gia đình để trồng và bảo vệ cây giống là một cách làm phổ biến của Phòng Phát triển Rừng (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – NN&PTNT), và được điều chỉnh bởi các định mức chi phí chuẩn quy định cho cả nước. Tuy nhiên, trong khuôn khổ dự án này, cũng có một số đổi

mới. Việc tham vấn với cộng đồng đã tạo thành công trong việc xây dựng sự ủng hộ trên diện rộng hơn dành cho công tác bảo vệ rừng ngập mặn, nhờ đó ở hầu hết các thôn, số lượng hộ gia đình thể hiện quan tâm đến nhiệm vụ này đều nhiều hơn con số cần thiết. Điều này dẫn đến việc phải thiết lập một quy trình lựa chọn do từng thôn chủ động thực hiện, nhưng về cơ bản vẫn dẫn đến kết quả là số hộ mong muốn tham gia cao hơn con số cần thiết. Các thôn về cơ bản đều cảm thấy hài lòng khi có nhiều hộ tham gia như vậy, nhưng BQL Khu sinh thái Cồn Chim thì ngược lại. Họ muốn nhận diện được từng hộ gia đình cụ thể chịu trách nhiệm cho các khu vực cụ thể của đầm Thị Nại. Kết quả là mặc dù chỉ có một số nhỏ tên của các hộ gia đình xuất hiện trong hợp đồng, nhưng các thôn đều có một số lượng lớn hơn các hộ gia đình tham gia quản lý rừng ngập mặn. Ở từng thôn, các hộ nhận khoán thiết lập một cơ chế chia sẻ số tiền được nhận thanh toán với cả nhóm lớn hơn. Các nhóm lớn này hình thành nên các “tổ nhận khoán”.

Cả ba thôn đều tuân thủ quy trình gồm các bước sau:

MỤC TIÊU	CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH
1. Xây dựng cơ chế giao khoán cho các hộ gia đình	1. Các hộ gia đình đứng tên nhận khoán được người dân địa phương lựa chọn tại các thôn dựa trên các tiêu chí mà trưởng thôn và BQL Dự án đã thống nhất.
	2. UBND xã đề xuất các hộ đại diện trong thôn nhận khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ cây giống
	3. Ký hợp đồng khoán giữa BQL Dự án và các hộ được chọn theo sự phê duyệt của UBND xã
	4. Thiết lập các tổ nhận khoán theo từng đơn vị thôn (sau khi ký hợp đồng với BQL Dự án) và yêu cầu UBND xã công nhận
2. Xây dựng các quy định của cộng đồng và các văn bản khác liên quan đến đồng quản lý	5. RECERD làm việc với đại diện xã, cán bộ kiểm lâm, phòng phát triển rừng để xây dựng quy định quản lý hợp tác xã, bảo vệ rừng ngập mặn và tài nguyên thủy sinh tại Đầm Thị Nại thuộc xã Phước Thuận và Phước Sơn.
	6. CCCO tỉnh Bình Định và BQL Khu Sinh thái Cồn Chim xây dựng quy ước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tại Diêm Vân, Bình Thái, Nhân Ân, Lộc Hà và 2 thôn của xã Vinh Quang
	7. Xây dựng các quy định cho các nhóm hộ nhận khoán tại Diêm Vân, Bình Thái, Nhân Ân, Lộc Hà và 2 thôn của xã Vinh Quang
3. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện đồng quản lý	8. BQL Khu Sinh thái Cồn Chim hướng dẫn việc phổ biến các quy định về hợp tác xã, quy ước của cộng đồng, và các quy định dành cho các tổ nhận khoán.
	9. RECERD giám sát và đánh giá việc triển khai đồng quản lý, các quy định hợp tác xã, các quy ước cộng đồng, và các quy định dành cho các tổ nhận khoán.
	10. RECERD và CCCO tóm tắt, báo cáo và bàn giao kết quả cho BQL dự án và các bên liên quan

KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÔN TRONG TRIỂN KHAI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ TÁI TRỒNG RỪNG

Cả ba thôn tham gia dự án đều có những đặc điểm riêng khác nhau. Thôn Diêm Vân nằm gần thành phố Quy Nhơn nhất, và gần với bờ đầm Thị Nại. Thôn có 327 hộ gia đình nông thôn, nhưng thành viên của 27 hộ đã rời lên Sài Gòn làm công nhân hoặc đi bán hàng. Trong số 300 hộ còn lại, có khoảng 200 hộ trước đây từng làm nghề sản xuất muối quy mô nhỏ. Tuy nhiên, từ khi đập thủy điện được xây dựng tại Vĩnh Thanh và Thanh Hóa ở khu vực thượng nguồn của lưu vực sông, lưu lượng nước vào mùa khô tăng cao hơn nhiều và độ mặn của nước trong đầm đã giảm xuống, vì thế số hộ sản xuất muối đã giảm đáng kể do các ao bốc hơi tự nhiên không còn nhiều tác dụng như trước đây. Khoảng 50 hộ có thu nhập chủ yếu từ nuôi tôm đầm và 40 hộ từ nghề đánh cá. 40 hộ khác có thu nhập chủ yếu từ các nhà máy gỗ công nghiệp gần đó. Khoảng 40 hộ có thu nhập chủ yếu từ việc nhận thầu sơn công nghiệp. Có khoảng 100 hộ đi khai thác thủy sản (phénh, xia, don...) và bắt cua ở các vùng thủy triều.

Dân số Nhân Ân nằm rải rác ở 6 thôn. Người dân sống ở các thôn trên đất liền chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa, một số hộ có người nhà làm công nhân xây dựng trong nhà máy gỗ. Các thôn này nằm cách bờ đầm khoảng 1,5 km. Người dân cụm thôn Tân An nằm gần con đê sinh sống bằng nghề đánh bắt cá quy mô nhỏ vì họ có rất ít đất để trồng lúa. Hầu hết dân cư ở đây đều đã lớn tuổi, và chủ yếu đi khai thác xia, don và hào.

Thôn Vinh Quang 2 nằm xa thành phố Quy Nhơn nhất, và có tổng cộng hơn 250 hộ gia đình, trong đó có 60 hộ sống trên một hòn đảo nhỏ nằm cách đất liền 5-10 phút đi tàu. Người dân trên đảo không có đất trồng trọt, vì thế tất cả đều phụ thuộc vào nuôi tôm và đánh bắt cá. Thôn này có diện tích mặt nước trên 150 ha để

nuôi tôm, cá và cua. Vì nằm ngay cạnh Vùng Sinh thái Lối Cồn Chim, người dân trong thôn đã tham gia nhiều hoạt động phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn. Người dân ở đây hiểu được giá trị của rừng ngập mặn và ủng hộ việc khôi phục rừng ngập mặn nhằm cải thiện môi trường sống dưới nước.

THÔN DIÊM VÂN (THÔN GẦN BỜ)

Trước khi trồng cây giống, người dân trong thôn đã tham vấn ý kiến của cán bộ xã và các chuyên gia của Viện Hải Dương học được dự án thuê đánh giá sinh thái, từ đó lựa chọn các điểm ưu tiên để khởi động trồng rừng. Cộng đồng cũng bày tỏ quan ngại về tính phù hợp của các địa điểm và giống cây được đề xuất lựa chọn, nhưng việc trồng rừng vẫn diễn ra theo tư vấn của các chuyên gia BQL Khu Sinh thái Cồn Chim.

Mười bốn hộ gia đình được người dân trong thôn lựa chọn tham gia trồng và bảo vệ rừng ngập mặn dựa trên các tiêu chí do họ tự quyết định, có tham vấn ý kiến của BQL dự án, bao gồm:

- Là người trong thôn
- Mạnh khỏe, nhiệt tình
- Tham gia đánh bắt cá và khai thác thủy sản
- Có thời gian để tham gia
- Nghèo và/hoặc thiệt thòi

Tuy nhiên, BQL Khu Sinh thái Cồn Chim giữ nguyên quan điểm là chỉ ký hợp đồng giao khoán với 8 hộ dân, và dành riêng cho mỗi hộ một khu vực, để có thể xác định rõ trách nhiệm giải trình về kết quả đầu ra.

Năm 2012, người dân trong thôn trồng được 4 ha cây giống bần trắng (*Sonneratia alba*) theo tư vấn của các chuyên gia về rừng ngập mặn của BQL Khu Sinh thái Cồn Chim. Năm 2013, họ trồng thêm 3 ha rừng ngập mặn nữa, nhưng lần này họ trồng cây mắm (*Avicennia alba*), vì theo họ cây này phù hợp với địa điểm trồng

hơn. Tỷ lệ sống sót được cải thiện đáng kể. Dự án đã tổ chức trồng thêm vào năm 2014 để thay thế các cây đã chết từ các đợt trồng trước đó. Kết quả giám sát năm 2016 cho thấy nhìn chung tỷ lệ sống sót của cây giống đạt khoảng 50%. Các cây sống được tăng trưởng đều, phát triển bộ rễ tốt. Cây giống trồng năm 2012 đã đạt chiều cao bình quân 2,5m, đường kính 15cm, và tán rộng 2,5-3m. Cây giống trồng năm 2013 có chiều cao bình quân 1m và đường kính 7cm.

Tỷ lệ sống của cây giống bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố bao gồm các điều kiện tại điểm trồng. Địa thế dốc thường bị thủy triều lớn, gây ngập các cây giống nhỏ ở các khu vực thấp. Thủy triều lên cũng mang theo các mảnh vụn như cỏ dại và nhựa, những mảnh vụn này bị mắc vào cành cây giống và gây thiệt hại khi triều xuống. Ngoài ra, điều kiện về độ mặn cũng thay đổi gần cửa sông Hà Thanh kể từ khi nhà máy thủy điện Phú Yên được xây dựng xong ở thượng nguồn vào năm 2009. Do hoạt động của hồ chứa, lưu lượng nước ngọt trong đầm vào mùa khô (tháng 12 – tháng 5) tăng đáng kể, làm giảm độ mặn của nước. Nồng độ dinh dưỡng cao trong nước từ các khu vực nông nghiệp thượng nguồn cũng khiến rong tảo tăng trưởng mạnh hơn, phủ lên cây giống và giảm khả năng tăng trưởng của cây. Ngoài ra, một số cây giống tại đây còn bị mất trộm trong thời gian đầu triển khai.

Cây giống được trồng ở khu vực trước đây từng là nơi người dân thường xuyên khai thác thủy sản. Việc khai thác này đã phần nào dừng lại khi các hộ dân này nhận khoán bảo vệ cây giống mới. Nhưng các hộ khác vẫn tiếp tục khai thác dưới sự giám sát của các hộ đã ký hợp đồng, đây là kết quả của những thỏa thuận tập thể được thương lượng giữa thôn và các tổ nhận khoán. Để tăng cường khuyến khích bảo vệ, các hộ nhận khoán được độc quyền nuôi cua trong các lồng ở các khu vực tái trồng rừng. Việc trồng cây giống rõ ràng đã làm ảnh hưởng đến các tập quán khai thác trước đây, mặc dù

cả phía các hộ nhận khoán và người khai thác đều cố gắng đạt được một thỏa thuận có lợi cho cả hai bên.

Trong ba nhóm hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng ngập mặn tại Diêm Vân, có một nhóm được đặt dưới sự chỉ đạo của một lãnh đạo địa phương rất nhiệt huyết, có đầu óc tổ chức tốt và rất được kính trọng. Dưới sự chỉ đạo của người này, nhóm này hoạt động tích cực hơn hẳn so với hai nhóm còn lại, và đạt được kết quả tốt hơn, trong khi các nhóm còn lại ít quan tâm đến lợi ích của việc khôi phục rừng ngập mặn mà chú trọng nhiều hơn đến các hoạt động sinh kế của mình. Sau này, các hộ gia đình được tổ chức lại thành hai nhóm, dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn chung của một trưởng nhóm năng động hơn.

Để khuyến khích hơn nữa các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ cây giống đang sinh trưởng, và để giảm bớt hoạt động khai thác thủy sản, Sở NN&PTNT đã tham vấn các hộ gia đình để trợ giá cho việc triển khai nuôi hàu. Bốn trong số các hộ nhận khoán đã tranh thủ những hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính từ Sở NN&PTNT để thử nghiệm cách tiếp cận mới này ngay trong khu vực trồng rừng mà họ được giao bảo vệ. Các hộ được đào tạo và được cấp hàu giống, và đã báo cáo kết quả tốt về tỷ lệ sống sót (97%) và sinh trưởng (khoảng 1gram/tháng trên một cá thể hàu). Quan ngại lớn nhất của các hộ nuôi hàu là hàu trưởng thành có thể bị đánh cắp trước khi thu hoạch vào thời điểm thủy triều thấp bởi đây là lúc người ngoài có thể vào đầm phỉnh ở các bãi triều. Một phần khó khăn nằm ở vấn đề khó thực thi quyền sở hữu đối với hàu nằm ngoài phạm vi thôn, vì nó liên quan đến các quy định về đồng quản lý và quyền sử dụng của các hộ nhận khoán, các quy định này đã được thôn đàm phán và xã đồng ý, nhưng lại khó thực thi với người từ nơi khác đến.

THÔN NHÂN ÂN (THÔN TRÊN ĐẤT LIỀN)

Các tiêu chí để lựa chọn các hộ nhận khoán được thôn Nhân Ân điều chỉnh so với các tiêu chí của thôn Diêm Vân, sau khi cộng đồng thảo luận, trong đó có cân nhắc đến các nội dung sau:

- Ưu tiên các hộ gia đình nằm gần các điểm phục hồi rừng, vì phần lớn diện tích thôn nằm cách bờ biển 1,5 km vào sâu trong đất liền
- Lựa chọn các hộ có tinh thần trách nhiệm và khả năng hợp tác thông qua thảo luận tại các cuộc họp của cộng đồng
- Không lựa chọn các hộ tham gia công việc của chính quyền vì họ đã bận với công việc và không thể ưu tiên cho việc duy trì rừng.

Tại Nhân Ân, người dân trong thôn chủ yếu sản xuất lúa. Với xu hướng cơ giới hóa và các kỹ thuật sản xuất mới, họ có nhiều thời gian rảnh rỗi và nhiều sức lao động hơn. Đào phến và khai thác các sản phẩm khác là việc dễ làm, không đòi hỏi trình độ gì, lại có thể tự do tiếp cận nguồn tài nguyên, vì thế việc di chuyển đến các khu vực rừng mới trồng thường xuyên hơn và khai thác ở đó diễn ra rất phổ biến. Người dân thôn Nhân Ân đã trồng 3 ha cây giống rừng ngập mặn trong năm 2013. Sáu hộ gia đình được chọn để quản lý cây giống. Dự án đã triển khai các hoạt động sinh kế thay thế tại Nhân Ân vào tháng 5/2014. Ba hộ bày tỏ quan tâm đến việc nuôi hàu, nhưng trong trường hợp của Nhân Ân, các hộ này không chỉ nhận hỗ trợ của cơ quan quản lý về thủy sản mà còn tự đầu tư để tăng lượng nuôi thương phẩm thêm mười lần. Khi tự bỏ ra số tiền đầu tư lớn và có nguy cơ rủi ro như vậy, các hộ này cũng quan ngại đến thành công của thử nghiệm nuôi hàu đầy mạo hiểm và muốn kéo dài thời gian nuôi thương phẩm để gia tăng lợi nhuận. Khi hàu lớn, họ lại càng lo về vấn đề an ninh, và đã xây rào xung quanh khu vực cây giống rừng ngập mặn, đồng nghĩa với việc quây kín khu nuôi hàu. Tuy nhiên, xã lại không cho phép họ

quây kín như vậy, và cũng không cho phép họ ngăn các hộ gia đình khác vào đào phến hoặc bắt cá nhỏ tại bãi triều này. Việc làm của ba hộ gia đình này khiến cho người dân trong thôn rất bất bình. Không giống như ở Diêm Vân, các quy định điều chỉnh việc bảo vệ rừng ngập mặn và quyền của hộ gia đình chưa được UBND Nhân Ân phê duyệt, do đó đã gây nhiều tranh cãi và khó thực thi.

Một nhóm khoảng 30 hộ đã biểu tình phản đối việc quây kín khu vực trồng cây giống rừng ngập mặn, nhổ rẫy một số cây giống, và đã biểu tình lên đến tận UBND huyện, nhưng UBND huyện lại chưa từng xử lý một vụ việc nào tương tự như vậy, và họ cũng không nắm rõ tình hình thực tế. Sau nhiều cuộc gặp và thảo luận với các cán bộ quản lý dự án, chính quyền địa phương và người dân trong thôn, quyết định cuối cùng được đưa ra là chấm dứt hợp đồng bảo vệ rừng với các hộ gia đình này, đồng nghĩa với việc bỏ dỡ các nỗ lực tái trồng rừng tại địa điểm này.

THÔN VINH QUANG 2 (XÓM ĐẢO)

Vinh Quang 2 trồng 9 ha rừng ngập mặn. Đợt trồng đầu tiên là vào năm 2013 và đợt thứ hai vào năm 2015. CCCO đã tổ chức bốn cuộc họp với người dân trong thôn, và tổ chức khảo sát người dân trong thôn để lựa chọn các điểm trồng rừng. Đến thời điểm này của dự án, ý kiến của người dân bản địa về việc lựa chọn điểm trồng và giống cây trồng đã được tôn trọng hơn.

Chín hộ gia đình đã được cộng đồng lựa chọn để ký hợp đồng nhận khoán trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Rút kinh nghiệm từ các thôn khác, các tiêu chí lựa chọn hộ gia đình một lần nữa được điều chỉnh, với các nội dung: lựa chọn các hộ gia đình sống gần điểm tái trồng rừng, có thu nhập thấp nhưng có nguồn lực lao động sẵn sàng, ưu tiên gia đình mà chủ hộ là phụ nữ, có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản, và có tinh thần trách nhiệm cao (dựa trên đánh giá từ kinh nghiệm đi trước).



Việc lựa chọn các hộ nhận khoán tại thôn Vinh Quang 2 diễn ra khá khó khăn và bị trì hoãn lâu vì 2 lý do:

1. Trưởng thôn đề xuất các hộ gia đình đủ điều kiện cần sinh sống trên đảo gần Cồn Chim nơi có thể triển khai trồng rừng ngập mặn, nhưng người dân trong thôn sinh sống trên đất liền cũng muốn tham gia. Cuối cùng, mọi người thống nhất là tất cả các hộ được nhận khoán đều sống trên đảo, vì họ sống gần khu trồng rừng và có nhiều kinh nghiệm trồng và bảo vệ rừng ngập mặn hơn.
2. Có tổng cộng khoảng 30 hộ dân (gần một nửa số hộ dân trong thôn) quan tâm và muốn hỗ trợ việc tái trồng rừng ngập mặn. Trước đây, thôn này thường xuyên tham gia các nỗ lực tái trồng rừng và bảo vệ rừng cùng với khu bảo tồn Cồn Chim, và người dân rất nhiệt tình và kinh nghiệm, thậm chí còn chia sẻ một phần chi phí để trồng lại các cây giống đã chết trong năm trước. Tuy nhiên, thôn này cũng mất nhiều thời gian để lựa chọn 9 hộ nhận khoán với BQL Khu sinh thái Cồn Chim và chịu trách nhiệm pháp lý về việc quản lý rừng, đồng thời chia sẻ số tiền được thanh toán với các hộ gia đình khác cùng tham gia.

Sau cùng, người dân trong thôn đi đến thống nhất và soạn thảo các quy định cụ thể cùng với BQL Khu Sinh thái Cồn Chim, các quy định này cũng được UBND Xã

Phước Sơn phê duyệt. Ban đầu, dự án dự kiến trồng 18 ha rừng ngập mặn tại Vinh Quang 2, nhưng sau khi khảo sát các điểm trồng đề xuất và cân nhắc số tiền đền bù, thôn thống nhất chỉ trồng 9 ha. Một năm sau khi trồng, tỷ lệ sống sót của cây giống đạt gần 80%. Các điều kiện tại điểm trồng có vẻ phù hợp để cây sinh trưởng liên tục, và cộng đồng cũng chưa thấy có mâu thuẫn gì có thể phá vỡ những cam kết của họ về việc quản lý rừng.

THẢO LUẬN

Sự khác nhau giữa ba thôn chính là kết quả của những khía cạnh tự nhiên xã hội dưới đây

Quy trình tham vấn, lời cuốn sự tham gia và cùng cộng đồng xây dựng quy định để tạo sự đồng thuận và cam kết của người dân địa phương: các quy định đã phát huy được hiệu lực tại Diêm Vân và Vinh Quang 2, ngay cả khi mức độ quan tâm của cộng đồng khá ít ỏi như trường hợp của Diêm Vân; nhưng ở Nhân Ân thì chưa bao giờ đạt được sự đồng thuận cao. Và tại Nhân Ân, các hộ nhận khoán đã vi phạm các điều khoản của hợp đồng khi xây dựng hàng rào quanh khu vực nuôi hào, nuôi hào với số lượng lớn hơn so với số lượng đã thống nhất trong hợp đồng, và nuôi trong thời gian lâu hơn so với quy định của hợp đồng, khiến những người đi khai thác khác không được tiếp cận. Kết quả là, toàn

bộ thỏa thuận tại Nhân Ân đã bị phá vỡ, gây tổn thất toàn bộ cây giống mới trồng.

Lãnh đạo địa phương và cam kết phục hồi rừng ngập mặn là một yếu tố quan trọng. Tại Diêm Vân, mặc dù hầu hết các hộ gia đình đều không quan tâm đến rừng ngập mặn, nhưng một lãnh đạo chủ chốt tại địa phương đã đưa ra cam kết, khích lệ và định hướng cho các hộ nhận khoán để họ nghiêm túc với trách nhiệm của mình. Tại Vinh Quang 2, các hộ dân đã quen với rừng ngập mặn và nhận thấy những hiệu quả có lợi của việc tạo môi trường sống cho các loài thủy sinh có giá trị.

Yếu kém trong lựa chọn điểm thực hiện là một trong những nguyên nhân gây nên tỷ lệ sống sót thấp tại thôn Diêm Vân. Do đa số các bãi bồi nằm gần thôn Diêm Vân đều đã được sử dụng làm đầm nuôi trồng thủy sản hoặc các diện tích rừng ngập mặn nằm rải rác, nên khu vực được lựa chọn có đặc điểm là nước tương đối sâu, không tối ưu cho cây giống. Kiến thức bản địa về điều kiện của các điểm rừng ngập mặn đã được cân nhắc kỹ hơn ở những lần chọn địa điểm và loài cây trồng ở giai đoạn sau này, đặc biệt tại Vinh Quang 2, đây là thôn cuối cùng tham gia dự án.

Không nghe theo lời tư vấn của cộng đồng trong việc lựa chọn các loài cây ngập mặn là một nguyên nhân khác dẫn đến tỷ lệ tổn thất cao trong giai đoạn đầu. Đầu tiên, cây Mắm trắng (*Avicennia alba*) được trồng ở thôn Diêm Vân. Nhưng hầu hết các cây giống đều chết. Người dân trong thôn giải thích rằng điều kiện tại điểm trồng không phù hợp với loài cây này. Sau nhiều lần tham vấn và xác thực cùng người dân địa phương, các cán bộ quản lý dự án chuyển sang trồng Bần trắng (*Sonneratia alba*) và Bần chua (*Sonneratia caseolaris*). Tỷ lệ sống sót cao của cây giống tại điểm trồng gần đây nhất cho thấy phương án lựa chọn sau này là phù hợp hơn với các điều kiện môi trường tại nơi trồng.

Quy định lựa chọn các hộ gia đình được hưởng

Lợi: để đạt được sự đồng thuận của cộng đồng về đối tượng được lựa chọn tham gia dự án là tương đối khó khăn. Mặt khác, mối quan tâm của các hộ đối với việc trồng và bảo vệ rừng còn tùy thuộc vào kiến thức của họ về rừng ngập mặn và sự tin tưởng vào phòng lâm nghiệp hay BQL Cồn Chim, cũng như sự tham gia của họ trong các hoạt động sinh kế khác. Họ càng tham gia nhiều vào các hoạt động sinh kế nông nghiệp và đô thị thì càng ít tâm huyết hơn với việc bảo vệ rừng ngập mặn.

Cộng đồng ít có sự cam kết dài hạn đối với việc khôi phục môi trường sống rừng ngập mặn, và lực lượng quản lý rừng không có sự cam kết về việc chia sẻ lợi ích. Các điều khoản trong hợp đồng với các hộ gia đình có quy định cụ thể việc thanh toán và trách nhiệm trong giai đoạn bảo vệ cây giống trong 3 năm đầu tiên, nhưng lại không quy định rõ các hộ gia đình có thể khai thác thủy sản trong bao lâu từ khu vực rừng ngập mặn được bảo vệ, và có vẻ như BQL Khu Sinh thái Cồn Chim có ý định quản lý độc quyền ở một thời điểm nào đó trong tương lai. Các điều khoản về đồng quản lý đã được thiết lập tại Sóc Trăng và Xuân Thủy dường như không phù hợp với bối cảnh của đầm Thị Nại, và vì thế BQL Khu Sinh thái Cồn Chim cho rằng họ không có bất cứ tiền lệ pháp lý nào để chia sẻ lợi ích trong dài hạn. Đối với tất cả các bên, những thỏa thuận như vậy khiến họ chỉ tập trung suy nghĩ ngắn hạn chứ không hợp tác trong dài hạn để phục hồi rừng.

Giải quyết vấn đề quyền sử dụng là yêu cầu sống còn trong bảo vệ rừng. Mâu thuẫn tại Nhân Ân giữa một bên là những người nuôi hàu với một bên là những người khai thác phên là một ví dụ. Khi cây giống được trồng và khu vực được dựng hàng rào bao quanh để bảo vệ hàu nuôi ở khu vực đó, các ngư dân đã phản nản là họ bị gạt sang một bên. Vấn đề là

không bên nào xác định hay ghi nhận rõ ràng quyền sử dụng. Với sự hỗ trợ từ Sở NN&PTNT đối với việc bảo vệ rừng ngập mặn và nuôi hàu, và mức độ đầu tư tư nhân cao mà các hộ nuôi hàu tự bỏ ra để đầu tư mạo hiểm, họ cảm thấy họ có quyền quây kín khu vực dùng để nuôi hàu (và bảo vệ cây giống). Nhưng các hộ khai thác phénh, vốn đã quen với việc sử dụng khu vực này, lại không đồng ý với thỏa thuận đó và cảm thấy họ đã bị tước mất quyền khai thác một cách thiếu công bằng. Không bên nào có quyền sử dụng chính thức, mỗi bên đều cảm thấy đòi hỏi của họ là hợp lý, và không có cơ chế nào tại địa phương để giải quyết tranh chấp này. Tranh chấp này không phải là tranh chấp về cây giống cho rừng ngập mặn, mà là tranh chấp liên quan đến việc những người khai thác phénh bị tước quyền, nhưng vô hình chung cây giống lại trở thành đối tượng bị thiệt hại. Điều này cũng giống như ở Diêm Vân, khi đã có thỏa thuận nội bộ và cách hiểu nhất quán trong thôn về quyền tiếp cận hạn chế của người khai thác tại các khu vực được bảo vệ, nhưng lại không có cơ chế nào để thực thi các thỏa thuận nội bộ đó với những người không phải người dân trong thôn khi họ vẫn tiếp tục coi các khu vực cây giống rừng ngập mặn là nơi họ có thể tự do tiếp cận.

KẾT LUẬN: Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC ĐỒNG QUẢN LÝ TRỒNG VÀ BẢO VỆ RỪNG NGẬP MẶN

Kết quả tại ba thôn cho thấy việc áp dụng các quy trình nhất quán về đồng quản lý chưa chắc đã có thể đảm bảo kết quả đầu ra nhất quán. Có một số khác biệt về đặc điểm của từng thôn, góp phần tạo ra những kết quả khác nhau, bao gồm tỷ lệ tương đối các hộ dân trong thôn phụ thuộc vào sinh kế khai thác thủy sản tại đầm Thị Nại, hiểu biết của các hộ dân về lợi ích của hệ sinh thái rừng ngập mặn, và cam kết của lãnh đạo ở cấp thôn cũng như ở cấp các tổ nhận khoán.

Kết quả cũng cho thấy khi áp dụng các thỏa thuận đồng quản lý mới, cần tạo được sự đồng thuận và cam kết cao của người dân địa phương, ngay cả khi phải mất thời gian để làm được điều này. Cả hai thôn Diêm Vân và Vinh Quang 2 đều đạt được sự cam kết cao của cộng đồng như vậy, nhưng cam kết tập thể trong việc bảo vệ rừng ngập mặn tại Nhân Ân—một thôn chủ yếu sống bằng nông nghiệp—lại thấp hơn nhiều. Trong cả ba trường hợp, một rào cản lớn đối với khả năng tạo sự đồng thuận tại địa phương chính là việc lựa chọn các hộ gia đình được hưởng lợi từ việc bảo vệ rừng ngập mặn và khai thác các loài thủy sinh.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng các thỏa thuận về quyền sử dụng đã không được thống nhất và thực thi một cách công khai giữa tất cả các bên sử dụng cùng một nguồn tài nguyên, mâu thuẫn phát sinh dẫn đến thất bại của nỗ lực phục hồi rừng ngập mặn. Sự thiếu kinh nghiệm và khả năng lãnh đạo, và thiếu cơ chế giải quyết mâu thuẫn trong việc triển khai các thỏa thuận đồng quản lý ở Nhân Ân đã góp phần dẫn tới kết quả này.

Tại đầm Thị Nại, sinh kế của người dân trong thôn khá đa dạng và ngày càng bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế đô thị đang mở rộng ở thành phố Quy Nhơn gần đó. Điều này dẫn đến một số vấn đề cần lưu ý trong bảo vệ rừng ngập mặn và phục hồi hệ sinh thái. Khi thu nhập chuyển sang đô thị, và áp lực khai thác thủy sản giảm, xung đột có thể giảm—nhưng khi đó mối quan tâm của cộng đồng đến việc bảo vệ rừng ngập mặn cũng sẽ giảm đi. Khi sinh kế ít được đảm bảo hoặc phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn thủy sản, cộng đồng có thể quan tâm hơn đến việc tái trồng rừng ngập mặn.

Đồng quản lý rừng ngập mặn đòi hỏi cam kết của cộng đồng địa phương cũng như cam kết của những người quản lý rừng về việc chia sẻ quyền lợi trong dài hạn. Không có thỏa thuận chia sẻ quyền lợi trong dài hạn, đồng quản lý sẽ chỉ còn là những thỏa thuận về lựa

chọn và chi trả các hợp đồng dịch vụ cho các hộ gia đình. Điều này có thể phù hợp với mô hình các hộ gia đình đa sinh kế ở khu vực đô thị, nhưng nó lại tạo ra cách nhìn ngắn hạn trong quản lý hệ sinh thái. Đặc biệt như trường hợp của Vinh Quang 2, nơi người dân cộng đồng nhận ra được giá trị dài hạn của các khu rừng ngập mặn khỏe mạnh, họ cần chia sẻ những lợi ích đó và tiếp tục một thỏa thuận đồng quản lý dài hạn.

Phục hồi rừng ngập mặn tại vùng ven đô là việc làm đặc biệt khó khăn bởi các hình thái sinh kế đang thay đổi nhanh chóng và thu nhập hộ gia đình đang gia tăng. Mối quan tâm kinh tế của các thành viên trong cộng đồng có thể chuyển hướng sang các lợi ích ngắn hạn, làm giảm khả năng thuyết phục họ ủng hộ phục hồi hệ sinh thái trong dài hạn. Sự ủng hộ của cộng đồng càng bị suy yếu hơn khi những người quản lý rừng không có ví dụ nào làm tiền lệ về việc chia sẻ lợi ích trong dài hạn quy định trong các thỏa thuận đồng quản lý của tập thể. Những trường hợp này thể hiện nhu cầu xây dựng các quy định pháp lý về quản lý dài hạn các điểm phục hồi trồng rừng ngập mặn, đặc biệt khi các điểm đó nằm gần khu vực đô thị, nhằm góp phần đền bù cho lợi ích khai thác ngắn hạn của các hộ gia đình không có quyền lợi gì liên quan đến giá trị của nguồn tài nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alongi, D.M., 2014. *Carbon cycling and storage in mangrove forests. Annual review of marine science*. Vol. 6, pp.195-219. DOI: 10.1146/annurev-marine-010213-135020.

Bouillon, S., Dahdouh-Guebas, F., Rao, A.V.V.S., Koedam, N. and Dehairs, F., 2003. *Sources of organic carbon in mangrove sediments: variability and possible ecological implications*. *Hydrobiologia*, 495(1-3), pp.33-39.

Fernanda, A. M., Neil, D., Wright, S. F., & Lovelock, C. E., 2009. *Sedimentation within and among mangrove forests along a gradient of geo-morphological settings*. *Estuarine, Coastal and Shelf Science*, 86(1), pp.21-30.

McLeod, E. and Salm, R.V., 2006. *Managing mangroves for resilience to climate change*. IUCN, Gland, Thụy Sĩ. 64pp.

Tuấn, V. S., 2015. *Tổng quan Điều kiện Môi trường và Phục hồi Rừng ngập Mặn Đầm Thị Nại (Review of Environmental Conditions for Mangrove Rehabilitation in Thi Nai Lagoon)*. Special report for Binh Dinh Department of Fisheries.

Tài trợ bởi Quỹ Rockefeller

